TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/DS-ST
Ngày: 14-6-2023.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cái Diệu Trang và ông Cái Lê Chính Đạo.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Anh Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trần Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2022/TLST-DS ngày 23/12/2022, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-DS ngày 26/5/2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Phương T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số X đường N, phường Y, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1996. Địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 6/578 đường L, tổ dân phố A, thị trấn L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 27/3/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/11/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Phương T trình bày:

Bà Nguyễn Phương T và bà Nguyễn Thị H quen biết nhau khi bà H đang kinh doanh buôn bán tại thành phố Hồ Chí Minh, bà T cũng kinh doanh buôn bán như bà H, bà H nhiều lần vay tiền của bà T, mỗi lần vay có lúc ghi giấy nợ, có lúc không. Ngày 21/08/2020 hai bên thống nhất chốt số nợ và đến Văn phòng Công chứng N, thành phố Hồ Chí Minh ký hợp đồng vay tiền. Theo Hợp đồng vay tiền bà T cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền là 550.000.000đồng, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày hợp đồng được Công chứng. Lãi suất các bên thỏa thuận theo lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước Việt Nam và theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ, bà Nguyễn Thị H không nợ cho bà T. Đến nay đã gần 2 năm, sau nhiều lần đòi nợ, bà H luôn tìm

cách trốn tránh, bỏ về quê sinh sống không trả nợ cho bà T. Nay bà T khởi kiện, yêu cầu bà H trả số tiền nợ gốc là 550.000.000đồng và tiền lãi với mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố theo quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9,0%/năm, thời gian từ ngày 21/08/2020 đến ngày 21/08/2022, tương ứng số tiền 99.000.000 đồng. Tổng tiền bà T yêu càu bà H phải trả là 649.000.000đồng.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Hợp đồng vay tiền ngày 21/8/2020, bản sao sổ hộ khẩu gia đình, bản sao chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Phương T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại bản trình bày ý kiến, biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2023 và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Trước đây, bà làm ăn buôn bán ở đường Nguyễn Văn C, phường A, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh thì có quen biết với bà Nguyễn Phương T. Quá trình buôn bán làm ăn bà nhiều lần mượn tiền của bà T, mỗi lần mượn tiền có khi ký giấy mượn tiền, có khi không ký giấy mượn tiền. Đến ngày 21/8/2020 hai bên có thỏa thuận ký Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng H ở quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh với tổng số tiền bà H vay bà T là 550.000.000đồng, thời hạn 01 năm, lãi suất theo lãi suất ngân hàng và theo quy định của pháp luật. Từ đó đến nay do dịch bệnh covid, công việc làm ăn kinh doanh bị thua lỗ, bị bệnh nên bà phải về quê sinh sống, chưa có tiền trả cho bà T.

Nay bà T khởi kiện đòi nợ số tiền 550.000.000đồng và tiền lãi thì bà H đồng ý, công nhận có nợ tiền gốc 550.000.000đồng và đồng ý với mức lãi suất cơ bản 9,0%/năm, từ ngày 21/8/2020 đến ngày 21/8/2022 tương ứng số tiền 99.000.000đồng nhưng hiện nay bà không có tiền để trả cho bà T, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Nguyễn Thị H trả nợ cho nguyên đơn số tiền 649.000.000đồng, trong đó tiền gốc 550.000.000đồng, tiền lãi 99.000.000đồng. Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Sau khi ký Hợp đồng vay tiền ngày 20/8/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện, do đó quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại số nhà X đường L, tổ dân phố A, thị trấn L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy, do có mối quen biết từ trước, bà Nguyễn Thị H đã nhiều lần vay mượn tiền của bà Nguyễn Phương T, mỗi lần vay tiền có lúc khi giấy nợ, có lúc không ghi giấy nợ. Ngày 21/08/2020, hai bên chốt số tiền nợ và ký Hợp đồng vay số tiền 550.000.000đồng, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất các bên thỏa thuận theo lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước Việt Nam và theo quy định của pháp luật, hợp đồng được Văn phòng công chứng H ở quận G, thành phố Hồ Chí Minh chứng thực. Bị đơn bà H thừa nhận việc ký hợp đồng vay tiền là tự nguyện, do đó hợp đồng vay tiền ngày 21/08/2020 giữa bà H, bà T có hiệu lực pháp luật.

Quá thời hạn trả nợ, bà H không trả tiền cho bà T nên bà T khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ, tiền gốc 550.000.000đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi nguyên đơn yêu cầu thấy rằng: Tại Điều 3 của Hợp đồng vay tiền, các bên thỏa thuận theo lãi suất theo cơ bản của ngân hàng nhà nước Việt Nam và theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 9,0%/năm trên số tiền gốc 550.000.000đồng trong thời gian 2 năm từ ngày 21/08/2020 đến ngày 21/08/2022 là 99.000.000đồng. Xét thấy mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với sự thỏa thuận của các bên, phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Phương T số tiền 649.000.000đồng (trong đó tiền gốc 550.000.000đồng, tiền lãi 99.000.000đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 29.960.000đồng (20.000.000đồng + (4% x 249.000.000đ) án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Phương T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Phương T số tiền 649.000.000đồng (trong đó tiền gốc 550.000.000đồng, tiền lãi 99.000.000đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Phương T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Nguyễn Thị H không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền như trên thì phải chịu thêm thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 29.960.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Phương T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 14.980.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004239 ngày 23/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T.T-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Sang